

có Phòng Thống kê trực thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của cơ quan Tổng cục Thống kê

a) Các tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước:

1. Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia;
2. Vụ Phương pháp chế độ thống kê;
3. Vụ Thống kê tổng hợp;
4. Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng;
5. Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản;
6. Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ và Giá cả;
7. Vụ Thống kê Dân số và Lao động;
8. Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường;
9. Vụ Hợp tác quốc tế;
10. Vụ Tổ chức cán bộ;
11. Vụ Kế hoạch tài chính;
12. Thanh tra;
13. Văn phòng.

b) Các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê:

1. Viện Nghiên cứu khoa học thống kê;
2. Trung tâm Tin học thống kê;
3. Trung tâm Tư liệu thống kê;
4. Tạp chí Con số và Sự kiện.

Các đơn vị sự nghiệp khác hiện có giao Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê tổ chức và sắp xếp theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 23/CP ngày 23 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 102/2003/ND-CP ngày 03/9/2003 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Để đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng năng lượng ngày một cao hơn của nền kinh tế quốc dân, đồng thời bảo vệ tốt môi trường, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên năng lượng, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, trong các tòa nhà, đối với các thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng và trong sinh hoạt của nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân sinh sống, hoạt động và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Năng lượng là dạng vật chất có khả năng sinh công, bao gồm nguồn năng lượng sơ cấp: than, dầu, khí đốt và nguồn năng lượng thứ cấp là nhiệt năng, điện năng được sinh ra thông qua quá trình chuyển hóa năng lượng sơ cấp.

2. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là sử dụng năng lượng một cách hợp lý, nhằm giảm mức tiêu thụ năng lượng, giảm chi phí năng lượng cho hoạt động của các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng mà vẫn đảm bảo nhu cầu năng lượng cần thiết cho các quá trình sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt.

3. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở có mức tiêu thụ nhiên liệu và nhiệt năng tổng cộng hàng năm quy đổi ra tấn dầu tương đương từ một nghìn tấn (1.000 TOE) trở lên hoặc công suất sử dụng điện trung bình từ năm trăm (500)

KW trở lên, hoặc tiêu thụ điện năng hàng năm từ ba triệu (3.000.000) KWh trở lên.

4. Tòa nhà là các công trình cao tầng dùng làm siêu thị, khách sạn, văn phòng, trụ sở cơ quan và nhà ở.

5. Tòa nhà được lựa chọn là một hoặc nhiều tòa nhà tại cùng một địa chỉ đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Được cung cấp điện năng từ trạm biến áp có tổng công suất lắp đặt từ 750 KVA trở lên.

- Sử dụng năng lượng thương mại bao gồm điện năng và nhiệt năng trong một năm tổng cộng từ 10 triệu MJ (Megajul) hoặc 2.800.000 KWh điện năng tương đương trở lên.

6. Sản phẩm tiết kiệm năng lượng là các thiết bị, phương tiện đạt hiệu suất cao với mức tiêu thụ năng lượng thấp và các loại vật liệu cách nhiệt có hệ số cách nhiệt tốt, được thiết kế, chế tạo, sản xuất và thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam về hạn mức sử dụng năng lượng và hạn mức tổn thất năng lượng.

Chương II

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT

Điều 4. Biện pháp về công nghệ

Các cơ sở sản xuất thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bằng các biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Cải tiến, hợp lý hóa quá trình đốt nhiên liệu.
2. Cải tiến, hợp lý hóa quá trình gia nhiệt, làm lạnh và chuyển hóa nhiệt năng thành cơ năng.
3. Giảm tổn thất nhiệt do truyền nhiệt.
4. Sử dụng lại nhiệt thải.

5. Cải tiến, hợp lý hóa quá trình chuyển hóa nhiệt năng thành điện năng.

6. Giảm tổn thất điện năng trong truyền tải, phân phối, sử dụng điện năng.

7. Cải tiến, hợp lý hóa quá trình chuyển hóa từ điện năng thành cơ năng, nhiệt năng.

8. Lựa chọn, thay thế hợp lý nguồn năng lượng sử dụng nhằm đạt hiệu quả năng lượng cao hơn.

9. Phát triển sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để tiết kiệm các nguồn năng lượng không tái tạo được như than đá, sản phẩm dầu, khí đốt.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất

1. Cơ sở sản xuất hoạt động trong các lĩnh vực dưới đây có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

a) Các cơ sở chế biến, gia công, sản xuất sản phẩm hàng hóa; cơ sở sửa chữa máy móc, thiết bị;

b) Khai thác mỏ;

c) Sản xuất, cung cấp điện năng;

d) Sản xuất, cung cấp nhiệt năng.

2. Hàng năm, cơ sở sản xuất quy định tại khoản 1 Điều này phải đăng ký chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng, lập bản thống kê tình hình sử dụng năng lượng, chỉ tiêu tiêu hao năng lượng trên một đơn vị sản phẩm, báo cáo Sở Công nghiệp; đối với cơ sở trọng điểm báo cáo Sở Công nghiệp và Bộ Công nghiệp.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Hàng năm, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải báo cáo Sở Công nghiệp và Bộ Công nghiệp tình hình, điều kiện và hiệu suất sử dụng nhiên liệu, sử dụng nhiệt, sử dụng điện; tình hình dỡ bỏ, cải tiến, thay thế, lắp đặt mới các máy móc, thiết bị sử dụng nhiên liệu, sử dụng nhiệt,

sử dụng điện; các máy móc, thiết bị được lắp đặt cho mục đích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Xây dựng chế độ trách nhiệm đối với từng tập thể, từng cá nhân liên quan trong việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, có chế độ khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích và kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân có vi phạm trong việc thực hiện các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Phải có cán bộ chuyên trách, giúp Giám đốc quản lý năng lượng. Cán bộ chuyên trách về quản lý năng lượng phải có trình độ đại học, được đào tạo về các chuyên ngành năng lượng.

4. Cán bộ chuyên trách về quản lý năng lượng chịu trách nhiệm giúp Giám đốc quản lý, giám sát phương tiện sử dụng năng lượng và việc thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo đúng các quy định của Bộ Công nghiệp.

5. Trong trường hợp cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm không thực hiện đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn về hạn mức sử dụng năng lượng được ban hành theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định này, Bộ Công nghiệp thông báo về những việc cần phải thực hiện và yêu cầu cơ sở lập, trình duyệt kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Chương III

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG CÁC TÒA NHÀ

Điều 7. Trách nhiệm trong đầu tư xây dựng các tòa nhà

Tổ chức, cá nhân tham gia tư vấn thiết kế, đầu tư, xây dựng, sở hữu các tòa nhà có trách nhiệm

thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sau đây:

1. Tận dụng các điều kiện tự nhiên hoặc các giải pháp cấu tạo kiến trúc thích hợp nhằm giảm tiêu hao năng lượng cho chiếu sáng, thông gió, làm mát và sưởi ấm.

2. Sử dụng các vật liệu cách nhiệt được sản xuất theo tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng để hạn chế việc truyền nhiệt qua tường, cửa ra vào và cửa sổ.

3. Sử dụng các thiết bị được chế tạo theo tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng để lắp đặt trong tòa nhà.

4. Bố trí hợp lý các trang thiết bị nhằm đạt được hiệu quả cao theo hướng tiết kiệm năng lượng.

Điều 8. Tòa nhà được lựa chọn

1. Việc thiết kế và xây dựng các tòa nhà, các hạng mục công trình tòa nhà được lựa chọn phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy phạm thiết kế về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được ban hành theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

2. Trong hồ sơ xin cấp phép xây dựng tòa nhà được lựa chọn phải có tài liệu thuyết minh về các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Bộ Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn và yêu cầu thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong trường hợp các tổ chức, cá nhân tham gia tư vấn thiết kế, đầu tư, xây dựng, sở hữu các tòa nhà chưa thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 9. Trụ sở cơ quan

1. Trụ sở cơ quan xây dựng mới từ nguồn vốn ngân sách phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy

phạm thiết kế về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được ban hành theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

2. Hàng năm, kết hợp với việc sửa chữa, bảo dưỡng các trang, thiết bị ở công sở, các cơ quan nhà nước xây dựng kế hoạch cụ thể trong nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện việc thay thế dần các trang, thiết bị cũ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng bằng các trang, thiết bị đã được xác định là sản phẩm tiết kiệm năng lượng có chỉ tiêu tiêu hao năng lượng tiên tiến trong chiếu sáng, thông gió, điều hòa nhiệt độ, bơm nước và các trang, thiết bị sinh hoạt khác, nhằm giảm mức tiêu dùng năng lượng tại trụ sở làm việc.

Chương IV

TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Điều 10. Trách nhiệm của nhà chế tạo, xuất nhập khẩu

Tổ chức, cá nhân là nhà chế tạo, kinh doanh, xuất nhập khẩu trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng có trách nhiệm áp dụng các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm chế tạo các trang thiết bị, phương tiện sử dụng tiết kiệm năng lượng và cung cấp đầy đủ cho khách hàng các thông tin cần thiết liên quan đến hiệu suất, mức tiêu thụ năng lượng của trang thiết bị, phương tiện.

Điều 11. Thiết bị được lựa chọn

1. Trang thiết bị, phương tiện được quản lý chặt chẽ về sử dụng năng lượng bao gồm: các loại trang thiết bị, phương tiện được sử dụng rộng rãi trong nước và tiêu thụ khối lượng lớn năng lượng theo danh mục quy định của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Bộ Công nghiệp khuyến nghị hoặc có giải

pháp hỗ trợ các nhà chế tạo cải thiện đặc tính tiêu thụ năng lượng của thiết bị được lựa chọn, nhằm nâng cao tính tiên tiến về chỉ tiêu tiêu thụ năng lượng của thiết bị được lựa chọn.

Điều 12. Tem chất lượng tiết kiệm năng lượng

1. Tổ chức, cá nhân chế tạo, nhập khẩu, buôn bán các sản phẩm là các trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng phải ghi rõ chỉ tiêu tiêu hao năng lượng trong bản hướng dẫn sử dụng hoặc trên nhãn sản phẩm hàng hóa.

2. Căn cứ các tiêu chuẩn quốc gia về hạn mức tiêu hao năng lượng được ban hành theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định này và các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm theo chỉ tiêu hiệu quả năng lượng, các tổ chức, cá nhân hoạt động chế tạo, nhập khẩu các sản phẩm là các trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng tự công bố và tự chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng về chỉ tiêu hiệu quả năng lượng của sản phẩm.

Trên cơ sở các sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, tổ chức, cá nhân có thể đăng ký xin cấp chứng chỉ và được dán tem chứng nhận chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng.

Chương V

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG SINH HOẠT

Điều 13. Trách nhiệm tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sử dụng các trang thiết bị chiếu sáng, thông gió, điều hòa nhiệt độ, bơm nước và các trang thiết bị phục vụ sinh hoạt khác có chỉ tiêu tiêu hao năng lượng tiên tiến, thay thế cho các trang thiết bị có chỉ tiêu tiêu hao năng lượng lạc hậu, nhằm giảm chi

phí năng lượng và góp phần thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng của nhà nước.

Điều 14. Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sinh hoạt

1. Áp dụng chính sách giá năng lượng hợp lý trong sinh hoạt nhằm thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Áp dụng các chỉ dẫn của Bộ Xây dựng được ban hành theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định này khi sử dụng các loại vật liệu xây dựng và các trang thiết bị sử dụng nhiều năng lượng như: máy điều hòa không khí, các thiết bị cơ khí dùng cho mục đích thông gió, thiết bị chiếu sáng, thiết bị cung cấp nước nóng, thang máy lắp đặt trong nhà ở để đạt mục đích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Hạn chế tối đa sử dụng các thiết bị điện công suất lớn vào các giờ cao điểm của biểu đồ phụ tải hệ thống điện.

Chương VI

CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH, THÚC ĐẨY SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Điều 15. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Các trang thiết bị, vật tư, dây chuyền công nghệ nhập khẩu cho mục đích tiết kiệm năng lượng, các sản phẩm thuộc danh mục các sản phẩm tiết kiệm năng lượng được khuyến khích sản xuất hay nhập khẩu được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng được thưởng tiết kiệm theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước.

3. Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, nhập khẩu dây chuyền công nghệ mới hoặc đầu tư chiều sâu nhằm tiết kiệm năng lượng được xem xét vay vốn trung hạn hoặc dài hạn từ Quỹ Hỗ trợ phát triển, Quỹ Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 16. Các biện pháp thúc đẩy khoa học công nghệ phục vụ mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng các chương trình, dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bố trí phần kinh phí nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ và môi trường với tỷ lệ thích đáng cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Nội dung các chương trình, dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:

a) Phát triển công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thích hợp với các ngành công nghiệp, có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân;

b) Hỗ trợ nghiên cứu phát triển và ứng dụng kỹ thuật thông dụng về tiết kiệm năng lượng đã được khẳng định có hiệu quả rõ rệt trong thực tế;

c) Giới thiệu và ứng dụng các công nghệ, cung cấp thông tin rộng rãi liên quan đến công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 17. Nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến, tuyên

truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hoạt động khác để nâng cao nhận thức của nhân dân, động viên sự tham gia của nhân dân trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Các biện pháp nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:

a) Đào tạo, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý chuyên trách về tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả cho các cơ sở, các ngành, các địa phương;

b) Phổ cập nội dung tiết kiệm năng lượng thông qua chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Đưa nội dung thúc đẩy tiết kiệm năng lượng vào hoạt động của các Hội khoa học kỹ thuật, tổ chức đoàn thể quần chúng. Tổ chức các hội thi sáng tạo về tiết kiệm năng lượng, tiến hành các chương trình vận động tiết kiệm năng lượng.

Điều 18. Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với các nội dung:

1. Nghiên cứu, phát triển các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thúc đẩy bảo vệ môi trường và khắc phục các vấn đề môi trường phát sinh từ sản xuất và sử dụng năng lượng.

2. Xây dựng kế hoạch về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Giáo dục, đào tạo, phổ biến thông tin, tuyên truyền cộng đồng trong lĩnh vực phát triển, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Điều 19. Nội dung quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tổ chức hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện.

2. Ban hành các quy chế, quy định về công tác tư vấn tiết kiệm năng lượng, kiểm toán năng lượng, kiểm định cấp chứng chỉ đặt tiêu chuẩn chất lượng và dán tem chất lượng sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

3. Xây dựng chính sách nhập khẩu trang thiết bị, máy móc, chính sách chuyển giao công nghệ, tổ chức nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực sử dụng tiết kiệm năng lượng.

4. Tuyên truyền, phổ biến thông tin, giáo dục phổ cập kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

5. Tổ chức và quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sử dụng tiết kiệm năng lượng.

6. Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

7. Kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 20. Cơ quan quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Bộ Công nghiệp chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có các nhiệm vụ sau:

a) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và quản lý thực hiện chương trình;

b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ chính sách và biện pháp thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

c) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch tiết kiệm năng lượng theo kế hoạch năm năm và triển khai kế hoạch hàng năm;

d) Lập danh mục các trang thiết bị được lựa chọn, sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các sản phẩm không được chuyển nhượng hoặc thuộc diện phải thải loại trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và công bố hàng năm;

đ) Phối hợp các hoạt động quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giữa các Bộ, ngành, địa phương;

e) Hướng dẫn việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sản xuất bao gồm: lập và trình duyệt kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, báo cáo tình hình sử dụng năng lượng, kiểm toán năng lượng;

g) Ban hành các quy định về trách nhiệm nhà chế tạo đảm bảo yêu cầu về đặc tính vận hành, tiêu thụ năng lượng cho mỗi loại thiết bị được lựa chọn và cung cấp các thông tin liên quan đến hiệu suất sử dụng năng lượng của thiết bị được lựa chọn vào nội dung nhãn hàng hóa;

h) Quy định thể thức dán tem chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng;

i) Quy định tổ chức tư vấn có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực tư vấn tiết kiệm năng lượng, kiểm toán năng lượng, kiểm định trước khi cấp chứng chỉ chất lượng tiết kiệm năng lượng hoặc cho phép dán tem chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong quản lý hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở từng ngành, từng địa phương;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về hạn mức sử dụng năng lượng cho các loại trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng đang được sử dụng phổ biến;

- Ban hành Quy chế về công tác kiểm định các thiết bị, sản phẩm đạt tiêu chuẩn hoặc phù hợp tiêu chuẩn quốc gia về hạn mức sử dụng năng lượng.

c) Bộ Xây dựng:

- Ban hành Quy chuẩn và tiêu chuẩn về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong việc xây dựng các Tòa nhà cao tầng;

- Quy định chất lượng và đặc tính cách nhiệt của các loại vật liệu xây dựng. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, cung cấp, sử dụng các loại vật liệu xây dựng thích hợp, nhằm giảm mức độ truyền nhiệt;

- Hướng dẫn các chủ đầu tư, chủ sở hữu tòa nhà, chủ hộ gia đình thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với máy điều hòa không khí và các thiết bị cơ khí khác dùng cho mục đích thông gió, thiết bị chiếu sáng, thiết bị cung cấp nước nóng, thang máy.

d) Bộ Giao thông vận tải:

Phối hợp với Bộ Công nghiệp hướng dẫn nhà chế tạo thực hiện các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các phương

tiện sử dụng năng lượng trong lĩnh vực liên quan đến giao thông vận tải.

d) Bộ Tài chính:

Hướng dẫn thực hiện các biện pháp chính sách tài chính khuyến khích hỗ trợ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định tại Điều 15 Nghị định này.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý hoạt động sử dụng tiết kiệm năng lượng và hiệu quả:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Công nghiệp và các Bộ, ngành liên quan;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của Sở Công nghiệp, Sở Xây dựng ở địa phương.

Chương VIII

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Báo cáo, kiểm tra

1. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có trách nhiệm định kỳ báo cáo Sở Công nghiệp, Bộ Công nghiệp các nội dung liên quan đến điều kiện, tình hình sử dụng năng lượng, vận hành thiết bị tại cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công nghiệp có thể tiến hành kiểm tra tại chỗ các thiết bị sử dụng năng lượng cùng với các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

2. Trường hợp cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm không thực hiện đầy đủ các yêu cầu đặt ra trong kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Bộ Công nghiệp có văn bản nhắc nhở

cơ sở thực hiện nghiêm kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được duyệt.

3. Để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này; trong trường hợp cần thiết, Bộ Xây dựng có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân tham gia tư vấn thiết kế, đầu tư, xây dựng, sở hữu các tòa nhà báo cáo các vấn đề về thiết kế, xây dựng hoặc tiến hành kiểm tra thực tế tại tòa nhà và hồ sơ, tài liệu liên quan.

4. Để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này; trong trường hợp cần thiết, Bộ Công nghiệp có quyền yêu cầu nhà chế tạo thiết bị được lựa chọn báo cáo các vấn đề liên quan đến đặc tính vận hành của thiết bị hoặc tiến hành kiểm tra thực tế tại nhà máy, nhà kho và hồ sơ, tài liệu có liên quan.

5. Việc kiểm tra tại chỗ quy định tại các khoản 1, 2, 3, và 4 Điều này phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về thanh tra và kiểm tra.

Điều 22. Các hành vi vi phạm, mức độ xử phạt

1. Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 3 triệu đồng đối với hành vi của tổ chức cá nhân không ghi rõ chỉ tiêu hao năng lượng trong bản thuyết minh hoặc trên nhãn hàng hóa.

2. Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sản xuất các trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng có đặc tính kỹ thuật lạc hậu đã có quy định phải đình chỉ sản xuất;

b) Nhập khẩu các trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng có đặc tính kỹ thuật lạc hậu đã có quy định cấm nhập khẩu;

c) Chuyển nhượng các trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng thuộc diện phải thải loại;

d) Sử dụng tem chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng giả hoặc sử dụng khống (không

dăng kiểm) tem chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng;

d) Sử dụng chứng chỉ chất lượng tiết kiệm năng lượng cho sản phẩm giả.

3. Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với hành vi sau:

a) Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm không thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả mà không có lý do chính đáng;

b) Tổ chức, cá nhân tái phạm hành vi chuyển nhượng trang, thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng đã có quy định phải thải loại.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng tem chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng, chứng chỉ chất lượng tiết kiệm năng lượng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

5. Ngoài các hình thức xử phạt chính và xử phạt bổ sung được quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc phải tái xuất trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng có đặc tính kỹ thuật lạc hậu đã có quy định cấm nhập khẩu;

b) Buộc thải loại trang thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng thuộc diện phải thải loại.

Điều 23. Thẩm quyền xử phạt vi phạm

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

Điều 24. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sẽ được xét thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp có hành vi lạm dụng chức quyền, tư lợi cá nhân, thiếu trách nhiệm thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực của Nghị định

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Bộ trưởng các Bộ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan quy định tại Chương VII căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 175/2003/QĐ-TTg ngày 29/8/2003 về phê duyệt “Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2010”.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 43/TTr-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2003 và Công văn số 7813/TC-TCNH ngày 29 tháng 7 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2010” với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu

Phát triển thị trường bảo hiểm toàn diện, an toàn và lành mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu bảo hiểm cơ bản của nền kinh tế và dân cư; bảo đảm cho các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng những sản phẩm bảo hiểm đạt tiêu chuẩn quốc tế; thu hút các nguồn lực trong nước và nước ngoài cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực tài chính, kinh doanh của các doanh nghiệp